

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

Số: *126* /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày *10* tháng *01* năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng  
thị trấn Cẩm Thủy (thị trấn Phong Sơn), huyện Cẩm Thủy đến năm 2030**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

Theo đề nghị của UBND huyện Cẩm Thủy tại Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2019; của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 8365/SXD-QH ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cẩm Thủy (thị trấn Phong Sơn), huyện Cẩm Thủy đến năm 2030,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cẩm Thủy (thị trấn Phong Sơn), huyện Cẩm Thủy đến năm 2030, với nội dung chính sau:

### **1. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung**

Phạm vi lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên thị trấn Cẩm Thủy hiện nay và các xã Cẩm Phong, Cẩm Sơn; có ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Cẩm Tú, xã Cẩm Giang;
- Phía Nam giáp xã Cẩm Châu, xã Cẩm Yên;
- Phía Đông giáp xã Cẩm Ngọc, xã Cẩm Yên;
- Phía Tây giáp xã Cẩm Châu, xã Cẩm Bình.

### **2. Tính chất, chức năng**

- Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của huyện Cẩm Thủy.
- Là đầu mối giao thương, dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, dịch vụ du lịch của khu vực Tây Bắc tỉnh Thanh Hóa.

### **3. Quy mô**

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng khoảng 20.858 người; dự báo dân số đô thị đến năm 2030 khoảng 25.000 người.
- Quy mô đất đai: Tổng diện tích quy hoạch: 3.441,98 ha.

### **4. Định hướng phát triển không gian đô thị**

#### **4.1. Định hướng phát triển không gian, cải tạo đô thị**

- Thị trấn Cẩm Thủy phát triển trên cơ sở các trục không gian chủ đạo như đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 217, đoạn tuyến tránh Tây 217 kéo dài, tỉnh lộ 518B.
- Khu vực ổn định, cải tạo, nâng cấp: Bao gồm các khu dân cư hiện trạng và các khu chức năng của đô thị hiện có dọc đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 217. Cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, nâng cao chất lượng cuộc sống. Cải tạo, bảo vệ cảnh quan sông Mã đoạn qua thị trấn.

- Khu vực phát triển mới: Tập trung phát triển đô thị chủ yếu tại khu vực phía Nam thị trấn và khu vực Cẩm Phong.

- Phát triển dịch vụ thương mại, dịch vụ hỗn hợp dọc đường Hồ Chí Minh và Quốc lộ 217;

- Bố trí quỹ đất cây xanh cảnh quan sinh thái dọc hai bên bờ sông Mã;

- Khu vực sản xuất nông nghiệp: Hạn chế phát triển đô thị khu vực sản xuất nông nghiệp dành quỹ đất dự trữ phát triển đô thị, bảo vệ môi trường cảnh quan, sinh thái.

#### **4.2. Phân khu chức năng**

a) Khu trung tâm Hành chính - Chính trị: Quy mô: khoảng 13,7 ha.

- Đất cơ quan cấp đô thị: diện tích 2,5ha bao gồm:

+ Đất công sở thị trấn hiện tại (CQ-06) có diện tích 0,4ha: Sau khi sát nhập thị trấn Cẩm Thủy, xã Cẩm Phong và xã Cẩm Sơn trước mắt sử dụng công sở của Thị trấn hiện tại. Công sở các xã Cẩm Phong và Cẩm Sơn được chuyển đổi sử dụng đất;

+ Giai đoạn sau bố trí công sở thị trấn mới (tại lô CQ-10) có diện tích khoảng 1,9ha tại khu vực phía Bắc đường tránh Tây QL217, tạo động lực phát triển cho khu vực phía Nam thị trấn, kết hợp với quảng trường, khu văn hóa thể dục thể thao tạo thành khu trung tâm đô thị mới;

+ Đất công an thị trấn mới (CQ-13) diện tích 0,2ha. Được bố trí trên cơ sở hiện trạng là đất trạm y tế xã Cẩm Phong;

- Đất cơ quan, hành chính cấp huyện: Tổng diện tích 11,2ha bao gồm trụ sở Huyện ủy, UBND, HĐND và các cơ quan cấp huyện được giữ nguyên vị trí, cải tạo về kiến trúc, cảnh quan đảm và hạ tầng kỹ thuật. Ngoài ra bố trí quỹ đất cơ quan dự trữ cho phát triển sau này tại phía Đông trục đường từ trung tâm thị trấn Cẩm Thủy đi suối cá Cẩm Lương (CQ-11) với diện tích 2,7ha.

b) Khu công trình công cộng:

\* Khu trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao: Quy mô khoảng 8,8 ha.

- Bố trí quỹ đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao mới tại vị trí phía Nam đường tránh Tây QL217 (TT-01) với diện tích 3,8ha.

- Sân vận động xã Cẩm Phong (TT-02) với diện tích 1,3ha. Phục vụ thể thao, văn hóa khu vực bên phía xã Cẩm Phong;

- Bố trí thêm khu đất thể dục thể thao (TT-03) với diện tích 3,7ha. Phục vụ thể thao, văn hóa khu vực bên phía Đông đường Hồ Chí Minh

\* Khu Y tế: Quy mô khoảng 3,3 ha.

- Bệnh viện đa khoa huyện giữ nguyên vị trí (YT-01), được mở rộng diện tích lên 2,6ha.

- Trạm y tế thị trấn Cẩm Thủy, Cẩm Phong, Cẩm Sơn được giữ nguyên vị trí với tổng diện tích 0,7ha (YT-02, YT-03, YT-04).

\* Khu giáo dục: Quy mô khoảng 14,4ha.

Các trường học hiện có đã ổn định và đang phục vụ tốt do vậy giữ nguyên vị trí và quy mô. Cần thiết cải tạo chỉnh trang về hình thức kiến trúc. Đồng thời xây dựng thêm trường mầm non tư thục tại xã Cẩm Phong (GD-12) với diện tích khoảng 0,3ha.

\* Khu tôn giáo, di tích: Quy mô khoảng 5,4 ha.

Phạm vi, bao gồm các công trình: Đền Cửa Hà, chùa một mái (xã Cẩm Phong), nhà thờ đạo, chùa Chặng.

- Các công trình di tích khoanh vùng tạo cảnh quan và bảo vệ di tích.

- Mở rộng khu vực di tích chùa Một mái với quy mô 1,7ha. Ký hiệu (TGDT-02).

\* Khu dịch vụ thương mại - chợ: Quy mô khoảng 1,7ha

- Xây mới chợ Cẩm Phong (TMC-01) với diện tích 1,1ha tại vị trí phía Đông đường tránh Đông QL217; Mở rộng khu vực chợ thị trấn Cẩm Thủy hiện tại (TMC-02) sang phía Đông với quy mô khoảng 0,6ha.

c) Khu ở:

Quy mô: Đến năm 2025 khoảng 359,7ha; đến năm 2030 khoảng 384,5ha.

- Khu dân cư hiện trạng: Với quy mô khoảng 312,1ha, cải tạo chỉnh trang đồng bộ về kiến trúc và hạng tầng kỹ thuật;

- Khu ở tái định cư: Với quy mô khoảng 8,8ha, bố trí tái định cư để nâng cấp mở rộng các tuyến đường Hồ Chí Minh, cũng như một số tuyến đường mới trong đô thị;

- Khu ở mới: với quy mô đến năm 2025 khoảng 44,3ha; đến năm 2030 khoảng 63,6ha. Bố trí tập trung tại khu vực phía Nam thị trấn và khu vực dọc đường tránh Đông Quốc lộ 217.

d) Khu dịch vụ thương mại:

Bố trí tại các nút giao thông chính và dọc các tuyến đường Hồ Chí Minh, đường tránh Đông và tránh Tây QL 217. Giai đoạn đến năm 2025 diện tích khoảng 13,5ha. Giai đoạn đến năm 2030 diện tích khoảng 29,5ha.

e) Đất hỗn hợp:

Bố trí tại các nút giao thông chính và dọc các tuyến đường Hồ Chí Minh, đường tránh Đông và tránh Tây QL 217. Giai đoạn đến năm 2025 diện tích khoảng 24,5ha. Giai đoạn đến năm 2030 diện tích khoảng 27,6ha.

g) Khu cây xanh công viên: Quy mô: khoảng 23,9 ha.

Bố trí 6 khu công viên, cây xanh phục vụ đô thị được tổ chức tại vị trí trung tâm các khu dân cư đô thị. Giai đoạn đến năm 2025 diện tích khoảng 12,3ha. Giai đoạn đến năm 2030 diện tích khoảng 17,4ha.

h) Khu đất dự trữ phát triển:

Các khu vực sản xuất nông nghiệp hiện tại dành quỹ đất dự trữ phát triển đô thị sau năm 2030, với quy mô khoảng 99,7 ha.

### 4.3. Quy hoạch sử dụng đất theo giai đoạn

Bảng thống kê quy hoạch sử dụng đất theo giai đoạn

ST T	Loại đất	Ký hiệu	Giai đoạn 1 (đến năm 2025)	Giai đoạn 2 (đến năm 2030)	Tầng cao (tầng)	MĐXD (%)	Tỷ lệ (%)
	<b>Dân số (người)</b>		<b>21,000</b>	<b>25,000</b>			
<b>A</b>	<b>Đất xây dựng đô thị</b>		<b>720.3</b>	<b>820.7</b>			<b>23.8</b>
I	Đất dân dụng		408.1	446.7			54.4
1	Đất công cộng đô thị		28.2	36.9			
a	Đất văn hóa TĐTT	TT	1.3	5.0	1-2	10-25	

ST T	Loại đất	Ký hiệu	Giai đoạn 1 (đến năm 2025)	Giai đoạn 2 (đến năm 2030)	Tầng cao (tầng)	MDXD (%)	Tỷ lệ (%)
b	Đất trạm y tế	YT	0.7	0.7	2-5	30-40	
c	Đất thương mại - chợ	TMC	1.1	1.1	1-2	30-35	
d	Đất cơ quan cấp đô thị	CQ	0.6	2.5	2-5	30-45	
e	Đất hỗn hợp	TH	24.5	27.6	2-7	30-45	
2	Đất trường học	GD	7.9	7.9	1-3	30-40	
3	Đất cây xanh công viên	CV	12.3	17.4	1	0-5	
4	Đất ở		359.7	384.5	1-5	20-50	
a	Đất dân cư hiện trạng cải tạo	HTCT	312.1	312.1	1-3	20-40	
b	Đất dân cư mới phát triển	DCM	44.3	63.6	2-5	30-50	
c	Đất tái định cư	TDC	3.3	8.8	2-3	30-50	
II	Đất ngoài dân dụng		120.5	143.3			17.5
1	Đất hành chính cấp huyện	CQ	11.2	11.2	2-5	30-45	
2	Đất giáo dục	GD	6.5	6.5	1-3	20-40	
3	Đất y tế	YT	2.6	2.6	2-5	30-40	
a	Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy	YT-01	2.6	2.6	2-5	30-45	
4	Đất tôn giáo, di tích	TGDT	5.4	5.4	1-2	10-30	
5	Đất trung tâm văn hóa TDTT	TT-01	3.8	3.8	1-2	10-25	
6	Đất dịch vụ thương mại, chợ	DVTM	13.5	29.5	2-7	30-50	
7	Đất quảng trường	QT	1.2	1.2	1	0-5	
8	Đất nghĩa trang	NT	17.8	24.6	1	10-20	
9	Đất công trình đầu mối HTKT	HTKT	9.7	9.7			
10	Đất cây xanh cảnh quan	CX	48.8	48.8	-	-	
III	Đất giao thông		191.7	230.7			28.1
<b>B</b>	<b>Đất khác</b>		<b>2,721.6</b>	<b>2,621.2</b>			<b>76.2</b>
1	Đất dự trữ phát triển	DTPT	99.7	99.7	-	-	
2	Đất sản xuất nông nghiệp		563.9	463.5			
3	Đất sông mã, mặt nước, kênh mương		237.5	237.5			
4	Đất đất lâm nghiệp, đồi núi		1,653.6	1,653.6			
5	Đất núi đá		166.9	166.9			
<b>C</b>	<b>Tổng diện tích</b>		<b>3,441.9</b>	<b>3,441.9</b>			<b>100.0</b>

## **5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **5.1. Chuẩn bị kỹ thuật**

a) San nền: Cao độ các tuyến đường ven sông Mã (có vai trò là các tuyến đê bảo vệ đô thị) lựa chọn cao độ tối thiểu là 21,75m.

Đối với các khu vực được bảo vệ bởi các tuyến đê cao độ xây dựng tối thiểu lựa chọn là 21,15m.

b) Thoát nước mưa: Thoát nước mưa thị trấn Cẩm Thủy sử dụng loại mương nắp đan khẩu độ thay đổi từ 40cm đến 80cm dọc các tuyến đường đô thị. Đối với các tuyến nâng cấp cải tạo có thể sử dụng loại cống hộp lắp ghép.

Đối với một số tuyến thoát nước chính yêu cầu lưu lượng thoát nước lớn, cao độ thi công sâu sử dụng loại cống tròn khẩu độ từ 1 đến 2 m.

### **5.2. Quy hoạch giao thông**

a) Mạng lưới giao thông đô thị

\* Đường Hồ Chí Minh: Mặt Cắt 1-1: Mặt đường: 6 làn xe cao tốc x 3,75m/ làn= 22,5m; Phân cách giữa và dải an toàn: 4,50m; Dải dừng xe khẩn cấp: 3m x 2 = 6,00m; Lề trồng cỏ: 1,0m x 2 = 2,0m; Khoảng cách ly: 20m x2= 40m (Tổng cộng mặt cắt ngang đường HCM là 75,0m); Đường gom trong hành lang đường Hồ Chí Minh mỗi bên: 14,50m.

\* Quốc lộ 217:

- Mặt cắt 2-2: Đoạn có đường gom 2 bên: Lòng đường chính: 15,0m; Lòng đường gom: 2x7,5m; Phân cách 2x10,0m; Hè 2x5,0m; Lộ giới 60,0m.

- Mặt cắt 3-3: Đoạn có đường gom 1 bên: Lòng đường chính: 15,0m; Lòng đường gom: 7,5m; Phân cách 10,0m; Hè 2x5,0m; Lộ giới 42,5 m;

\* Đường vành đai thị trấn

- Xây dựng tuyến vành đai phía Đông thị trấn với quy mô thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn 6 làn xe, cấp 100. Mặt cắt A-A: Lòng đường = 22,5m; Phân cách giữa và dải an toàn: 4,5m; Dải dừng xe khẩn cấp: 3m x 2 = 6,0m; Lề trồng cỏ: 1,0m x 2 = 2,0m; Khoảng cách ly: 20m x2= 40,0m; Khoảng cách ly: 20m x2= 40,0m. Lộ giới 75,0m.

- Đoạn giáp khu vực dân cư, bố trí đường gom phía Tây trong hành lang an toàn là 14,5m.

- Đoạn qua khu vực đồi núi cao phía Nam, định hướng xây dựng hầm đường bộ 6 làn xe.

\* Quy hoạch mạng lưới giao thông nội thị:

- Mặt cắt 4-4: Mặt đường:  $2 \times 8,0\text{m} = 16,0\text{m}$ ; Hè:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ ; Phân cách giữa: 3,0m; Chi giới đường đỏ: 29,0m;

- Mặt cắt 5-5: Mặt đường:  $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$ ; Hè:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ ; Chi giới đường đỏ: 25,0m;

- Mặt cắt 6-6: Mặt đường:  $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$ ; Hè:  $2 \times 5,5\text{m} = 11,0\text{m}$ ; Chi giới đường đỏ: 26,0m;

- Mặt cắt 7-7: Mặt đường: 10,5m; Hè:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ ; Chi giới đường đỏ: 20,5m;

- Mặt cắt 8-8: Mặt đường:  $2 \times 7,5\text{m} = 15,0\text{m}$ ; Hè:  $2 \times 6,0\text{m} = 12,0\text{m}$ ; Phân cách giữa: 5,0m; chi giới đường đỏ 32,0m;

- Mặt cắt 9-9: Mặt đường: 7,5m; Hè:  $2 \times 5,0\text{m} = 10,0\text{m}$ ; Chi giới đường đỏ: 17,5m;

\* Các công trình giao thông đầu mối:

- Xây dựng 02 nút giao khác mức liên thông:

Nút 1: Giao cắt giữa đường Hồ Chí Minh và đường tránh Quốc lộ 217 (tuyến đường 01) khu vực phía Nam.

Nút 2: Giao cắt giữa đường Hồ Chí Minh và tuyến đường tránh Đông (tuyến 04).

- Xây dựng mới 03 cầu trên sông Mã:

+ Cầu 01: Nối 2 tuyến đường tránh Đông và Tây của thị trấn. Dự kiến xây dựng sau năm 2030.

+ Cầu 02: Trên tuyến đường tránh Quốc lộ 217 phía Nam thị trấn.

+ Cầu 03: Trên tuyến đường vành đai phía Đông thị trấn.

b) Giao thông tỉnh

Đề xuất quy hoạch xây dựng mới bến xe khách thị trấn trên tuyến tránh Đông Quốc lộ 217 (đoạn giáp điểm giao với tuyến tránh Quốc lộ 217 phía Nam), tổng diện tích toàn khu vực bến xe dự kiến 2,5 ha.



Hệ thống bãi đỗ xe sẽ được xây dựng kết hợp với các khu vực chức năng đô thị, tùy theo nhu cầu cụ thể.

c) Giao thông đường thủy nội địa

- Tuyến đường thủy nội địa trên sông Mã qua khu vực lập quy hoạch được định hướng giữ cấp 5 Đường thủy nội địa, cho tàu thuyền có trọng tải đến 50 tấn đi lại; do địa phương quản lý.

- Về cảng, bến thủy nội địa: Trong khu vực nghiên cứu, định hướng xây dựng mới 02 vị trí bến thủy nội địa trong giai đoạn đến năm 2030:

+ Bến Cẩm Thủy (chùa Ngọc Sơn): Bến du lịch (theo quy hoạch các điểm tuyến du lịch đường sông);

+ Bến Cẩm Phong: Bến hàng hóa; công suất 50.000 tấn/năm.

### **5.3. Quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc**

a) Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện, trạm biến áp:

+ Nguồn cấp cho đô thị được lấy từ trạm biến áp 110kV Cẩm Thủy S = 40MVA – 110/35/22 kV đang xây dựng tại xã Cẩm Bình đảm bảo cấp điện cho đô thị và các vùng lân cận.

+ Dỡ bỏ trạm biến áp trung gian Cẩm Sơn.

+ Cấp điện áp của các trạm biến áp phụ tải được lựa chọn theo xu hướng phát triển lưới điện đô thị là 22/0,4kV, các trạm cũ khi nâng cấp phải có cấp điện áp 10(22)/0,4kV.

- Mạng lưới điện cao áp, trung áp:

+ Từng bước nâng cấp cải tạo lưới điện 35kV khu vực phía Nam của đô thị đáp ứng cấp điện an toàn, phù hợp quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng.

+ Các đường 10kV hiện có được nâng cấp thay thế bằng đường dây 22kV và đấu nguồn vào trạm biến áp 110kV Cẩm Thủy.

b) Thông tin liên lạc:

+ Mật độ sử dụng điện thoại cố định: 25 máy/100 dân.

+ Mật độ sử dụng điện thoại di động: 100%.

+ Mật độ sử dụng máy tính kết nối internet 25 máy/100 dân.

+ Mật độ sử dụng thông tin liên lạc:  $25 + 100 + 25 = 150$  máy/100 dân.

#### **5.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước**

a) Nhà máy nước:

Nhà máy cấp nước sạch tại thị trấn Cẩm Thủy được mở rộng với quy mô 0,6ha, nâng cấp công suất lên 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ đảm bảo cấp nước cho đô thị và vùng phụ cận.

b) Mạng lưới tuyến ống chính cấp nước trong khu vực:

- Sử dụng mạng lưới ống cấp nước chính bằng các mạng vòng, mạng cụt đảm bảo cấp cho khu vực.

- Tuyến ống cấp nước:

+ Tuyến ống cấp nước chính từ Nhà máy nước đến các khu vực bằng các ống có đường kính Ø110 - Ø250.

#### **5.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

a) Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước thải: 100 l/ng.ngđ.

- Nhu cầu thải nước của khu vực:  $Q = 4.700 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Trạm xử lý nước thải: Bố trí 02 trạm xử lý nước thải, trong đó:

+ Trạm số 01 công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ng.đ; tại phía Nam chân núi Chùa Chặng, nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn quy định rồi xả ra sông Mã.

+ Trạm số 02 công suất 1.700 m<sup>3</sup>/ng.đ tại phía Đông Nam núi Nam Phát (giáp ranh với xã Cẩm Ngọc), nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn quy định rồi xả ra sông Mã.

- Mạng lưới thoát nước thải trong khu vực: Hướng thoát nước thải cục bộ trong tiểu khu theo độ dốc địa hình san nền. Độ dốc dọc đáy cống dự kiến theo đường kính và theo vận tốc nước chảy trong cống, chảy về trạm bơm nước thải, trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

b) Vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn:

+ Giai đoạn đầu, rác thải được thu gom vận chuyển về bãi rác tại khu đất phía Tây Nam núi Chùa Chặng, quy mô diện tích 3,8 ha - công suất xử lý 27 tấn/ngđ, và sử dụng lò đốt rác.

+ Giai đoạn lâu dài, rác thải được thu gom 100% và vận chuyển về khu liên hiệp xử lý chất thải rắn tổng hợp tại xã Xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy (quy mô công suất 348 tấn/ngđ - diện tích 15,0 ha).

- Nghĩa trang:

Hình thành 03 khu nghĩa Trang tập trung, cụ thể như sau:

+ Xây dựng mới nghĩa trang tập trung đô thị (NT-01) tại phía Tây thị trấn, quy mô khoảng 20,0ha

+ Nghĩa trang An Lạc Viên (NT-02) được cải tạo chỉnh trang trên cơ sở hiện có quy mô 3,5ha.

+ Nghĩa trang liệt sỹ huyện Cẩm Thủy (NT-03) diện tích 1,1 ha.

## **6. Các dự án ưu tiên đầu tư**

### **6.1. Dự án ưu tiên đầu tư**

- Trong giai đoạn đến 2025 ưu tiên đầu tư các công trình dịch vụ cơ bản của đô thị như: Công sở thị trấn, khu trung tâm văn hóa, thể thao huyện Cẩm Thủy, phát triển các khu dân cư mới, tái định cư, các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp thiết.

- Giai đoạn 2025 – 2030 đầu tư hoàn chỉnh các công trình công cộng, dịch vụ đô thị, các dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ theo quy hoạch được phê duyệt.

6.2. Nguồn lực thực hiện: Thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hỗ trợ, vốn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Thủy**

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cẩm Thủy (thị trấn Phong Sơn), huyện Cẩm Thủy đến năm 2030 chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày được UBND tỉnh phê duyệt để nhân dân biết, kiểm tra, giám sát và thực hiện theo quy định.

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài liệu quy hoạch được giao và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt theo quy định của pháp luật;

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng và cải tạo đô thị trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của nhà nước;

2. Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Cẩm Thủy theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, CN.
- H1.(2020)QDPĐ ĐC QHC TT Cẩm Thủy

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**